

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 359 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Hiệp
2. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Quang Th**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 25, ấp Bình A 2, xã An H, huyện C, An G

2. Bị đơn: Chị **Hồ Thanh T**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bình A I, xã An H, huyện C, An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 11/7/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Quang Th trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn vào tháng 3 năm 2017 và đăng ký kết hôn tại UBND xã An H, huyện C, An G ngày 01/3/2017. Vợ chồng sau khi cưới có hạnh phúc được vài ngày, thì chị T xin anh về nhà cha mẹ ruột để may đồ do chị T là thợ may. Anh rước chị T về nhà anh sống được vài ngày thì chị T không đồng ý sống chung gia đình anh và yêu cầu anh về nhà cha mẹ vợ sống, anh không đồng ý. Anh và chị T ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện anh không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu ly hôn

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

* **Bị đơn chị Hồ Thanh T trình bày:** Chị và anh Th sau khi cưới thì sống chung với gia đình bên chồng, mẹ chồng khó khăn. Anh Th thì luôn nghe lời mẹ chồng và bên vực mẹ. Do đó, chị không thể tiếp tục sống chung với anh Th, chị đồng ý ly hôn

-Về con chung:

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Anh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

Hồ Thanh T tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình tố tụng, cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt. Các thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, anh Hải đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là *“phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc”* theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Hải

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Anh HUỳnh Quang Th và chị Hồ Thanh T có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2017 tại UBND xã An H , huyện C,An G. Hôn nhân giữa anh Th và chị T được xác lập vào năm 2017 được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải, đối chất nhằm tạo điều kiện cho anh Th, chị T được đoàn tụ, nhưng anh Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn, chị T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất, nhưng có văn bản trình bày ý kiến của chị về mâu thuẫn vợ chồng: *“do gia đình chồng khó khăn, anh Th nghe lời mẹ chồng, chị không thể tiếp tục chung sống với gia đình anh Th, về con chung,tài sản chung và nợ chung không có”*. Điều này đã thể hiện chị T không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình. Anh Th yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị T,vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống .Do đó, vào tháng 5 năm 2017 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột cho đến nay

Giữa anh Th và chị T đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không thể hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Như vậy cả anh Hải và chị T đã vi phạm

ng nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014. Do đó yêu cầu của anh Th nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: không có

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Anh Th và chị T được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 19, Điều 56, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Quang Th. Anh Th được ly hôn với chị Hồ Thanh T

2. Về con chung: không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Quang Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000799 ngày 08/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Anh Huỳnh Quang Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2017). Riêng chị Hồ Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện
- Châu Thành, tỉnh An Giang;*
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang